

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày: 12/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thoả

Ông Lăng Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thuận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Phong và bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:17/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2020/QĐXXST-HS ngày 29/5/2020 đối với các bị cáo:

1.Lưu Đình D. Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 13 tháng 8 năm 1987; Nơi sinh: B, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Đình L và bà Phùng Thị S; Vợ Nguyễn Thị H; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Văn D1. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 30 tháng 01 năm 1982; Nơi sinh: B, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Th, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn T và bà Lăng Thị Đ; Vợ Hà Thị Th; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

***Nguyên đơn dân sự**

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện theo pháp luật là ông Nông Quốc D – Chủ tịch UBND huyện B.

Đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Văn K - Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện B theo giấy uỷ quyền số 13/UBND-NN ngày 07/01/2020.

Vắng mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Triệu Thị H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1961

Nơi cư trú: thôn Th, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1969. Trú tại: Phở N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Là em ruột của bà Ch). Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Triệu Thị H, sinh năm 2002. Trú tại: Thôn Th, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1969, Trú tại: Phở N, thị trấn Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Là dì ruột của chị H). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 9 năm 2019, chị Triệu Thị H, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã Q huyện B, tỉnh Bắc Kạn thuê bị cáo Lưu Đình D đi khai thác các cây gỗ Ràng Ràng bị mưa bão làm bật gốc, gãy ngọn vào cuối tháng 8 năm 2019 tại khu rừng Khuổi Pát, thôn Th, xã Q, huyện B thuộc thửa đất số 62, lô 70, khoảnh 1, tiểu khu 376 của hộ ông Triệu Đức Ngh và bà Nguyễn Thị C (bố mẹ đẻ của chị H). Hai bên thỏa thuận tiền công khai thác gỗ khi nào D vận chuyển gỗ về đến nhà H, đo khối lượng rồi thanh toán với giá 300.000 đồng/1m³. Sau đó, D thuê bị cáo Trương Văn D1, sinh năm 1982, trú tại Thôn Th, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cùng đi khai thác gỗ với tiền công là 200.000 đồng/01 ngày. Sáng ngày 28/9/2019, Lưu Đình D mang theo 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL M5 230, màu cam và xăng, nhót đi bộ sang nhà Trương Văn D1, cả hai cùng nhau đi vào khu rừng Khuổi Pát để khai thác gỗ. D và D1 khai thác trong hai ngày 28 và 29/9/2019 được tổng số 25 cây gỗ Ràng Ràng, cắt thành 239 khúc (trong đó, 07 cây gỗ bị bật gốc, gãy ngọn cắt được 90 khúc; 18 cây gỗ đứng thẳng còn sống, lá còn xanh cắt được 149 khúc). Sau khi khai thác, toàn bộ số gỗ bị D và D1 khai thác được để lại hiện trường.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với 25 cây gỗ Ràng Ràng (nhóm VI) có tổng khối lượng 15,12 m³ còn tại hiện trường; đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn thì khu vực khai thác trái phép thuộc lô 70, khoảnh 1,

tiểu khu 376, quy hoạch rừng sản xuất, thôn Th, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Thời điểm xảy ra khai thác trái phép khu vực trên là rừng, có hiện trạng là rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi, chủ quản lý rừng là hộ ông Triệu Đức Ngh và bà Nguyễn Thị C.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL – ĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: Tại thời điểm tháng 9/2019: Gỗ Ràng Ràng (nhóm VI) có khối lượng $15,12\text{m}^3$, trong đó:

- Khối lượng do Triệu Thị H thuê Lưu Đình D và Trương Văn D1 khai thác là $6,669\text{m}^3$, trong đó:

- + Đường kính nhỏ hơn 25cm có khối lượng $1,033\text{m}^3 \times 910.000\text{đ} = 940.030$ đồng.

- + Đường kính $25\text{cm} \leq D < 50\text{cm}$ có khối lượng $5,636\text{m}^3 \times 2.000.000\text{đ} = 11.272.000$ đồng.

- Khối lượng do Lưu Đình D và Trương Văn D1 tự ý khai thác là $8,027\text{m}^3$, trong đó:

- + Đường kính nhỏ hơn 25cm có khối lượng $2,508\text{m}^3 \times 910.000\text{đ} = 2.282.280$ đồng.

- + Đường kính $25\text{cm} \leq D < 50\text{cm}$ có khối lượng $5,519\text{m}^3 \times 2.000.000\text{đ} = 11.038.000$ đồng.

- Khối lượng phần gốc của 07 cây bị bật gốc do bão là $0,424\text{m}^3$, trong đó:

- + Đường kính nhỏ hơn 25cm có khối lượng $0,056\text{m}^3 \times 910.000\text{đ} = 50.960$ đồng.

- + Đường kính $25\text{cm} \leq D < 50\text{cm}$ có khối lượng $0,368\text{m}^3 \times 2.000.000\text{đ} = 736.000$ đồng.

- Khối lượng gỗ lấy đi khỏi hiện trường là 0m^3 .

Tổng về giá của tài sản **26.319.270 đồng** (Hai mươi sáu triệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm bảy mươi đồng).

Tại Bản cáo trạng số 18/CT-VKS-BT ngày 27/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Lưu Đình D và Trương Văn D1 về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m^3) đến dưới 20 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m^3) đến

dưới 15 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

...’’

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Đình D từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn D1 từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 232/BLHS. Phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Do số lâm sản bị chặt phá vẫn giữ nguyên tại hiện trường và đã bàn giao cho UBND huyện B đầy đủ. Đại diện UBND huyện B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- 25 cây gỗ Ràng Ràng nhóm VI có khối lượng $15,12m^3$ do Lưu Đình D và Trương Văn D1 khai thác chưa lấy ra khỏi hiện trường giao cho UBND huyện B xử lý theo quy định.

- 01 cửa máy nhãn hiệu STIHL M5 230, màu cam sử dụng để khai thác gỗ trái pháp luật đề nghị tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về xử lý vật chứng, án phí các bị cáo thi hành theo quy định.

Đại diện UBND huyện B đã nhận lại số gỗ do các bị cáo khai thác và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình sự đề nghị xử lý theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Triệu Thị H khẳng định được thuê bị cáo Lưu Đình D khai thác các cây gỗ Ràng Ràng bị bão làm đổ, bật gốc tại khu rừng của bố mẹ đẻ là ông Triệu Đức Ng (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, không thuê bị cáo khai thác các cây gỗ Ràng Ràng còn xanh, không bị gãy đổ. Việc khai thác gỗ chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị C và chị Triệu Thị H không có ý kiến gì đối với vụ án.

Người tham gia tố tụng không ai khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận về hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Trong các ngày 28, 29/9/2019, các bị cáo Lưu Đình D, Trương Văn D1 sử dụng 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL M5 230 khai thác 25 cây gỗ Ràng Ràng (nhóm VI), có tổng khối lượng 15,12m³ (Mười năm phẩy mười hai mét khối), trong đó: Khối lượng gỗ D và D1 khai thác trái pháp luật phải chịu trách nhiệm hình sự là 14,696m³ (Mười bốn phẩy sáu chín sáu mét khối), phần gốc của 7 cây Ràng ràng bị bật gốc do bão làm đổ các bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự là: 0,424m³. Vị trí 25 cây gỗ bị các bị cáo khai thác đều thuộc lô 70, khoảnh 1, tiểu khu 376, thuộc thôn Th, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, chủ sử dụng đất là hộ ông Triệu Đức Ngh (đã chết) và bà Nguyễn Thị C theo GCNQSD đất số AK077214 do UBND huyện B cấp ngày 09/10/2007. Đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn, thời điểm xảy ra khai thác trái phép khu vực trên là rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi. Các bị cáo khai thác gỗ là do chị Triệu Thị H thuê và các bị cáo đều biết việc khai thác gỗ Ràng Ràng ở khu rừng đó là trái phép. Toàn bộ số gỗ các bị cáo khai thác để tại hiện trường.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó việc truy tố, xét xử các bị cáo Lưu Đình

D, Trương Văn D1 về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232/ BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi của các bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, tổn hại đến môi trường vì vậy cần buộc các bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Lưu Đình D có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Bắc Kạn tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2013; bị cáo có bố đẻ ông Lưu Hồng L (tên gọi khác Lưu Đình L) được Nhà nước tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Trương Văn D1 có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Trong vụ án này bị cáo Lưu Đình D là người khởi sự, bị cáo Trương Văn D1 là người trực tiếp khai thác gỗ tuy nhiên không có sự phân công chặt chẽ vai trò của từng bị cáo nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo xét thấy cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65/BLHS vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Trong vụ án này còn có chị Triệu Thị H là người đã thuê bị cáo Lưu Đình D khai thác 07 cây gỗ Ràng Ràng bị mưa bão làm bật gốc, gãy ngọn khi chưa được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép. Khối lượng gỗ khai thác trái pháp luật mà H phải chịu trách nhiệm là $6,669\text{m}^3$, tại thời điểm thuê khai thác gỗ chị Triệu Thị H không có tiền án, tiền sự. Vì vậy, hành vi của chị H chưa đến mức xử lý bằng pháp luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến cơ quan chức năng đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của Triệu Thị H.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 077214 ngày 09/10/2007 tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 1, diện tích 9886m^2 , đất rừng sản xuất, chủ sử dụng đất là hộ

ông Triệu Đức Ngh và bà Nguyễn Thị C. Năm 2010 ông Ngh chết, bà Nguyễn Thị C bị khuyết tật trí tuệ với mức độ nặng, chị Triệu Thị H còn nhỏ, mọi việc trong gia đình bà C đều do chị Triệu Thị H quyết định. Việc khai thác gỗ trái phép bà C và chị H không biết nên không xem xét xử lý.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra nguyên đơn dân sự có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa người đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[6]. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

+ Khối lượng gỗ 15,12m³ do Lưu Đình D và Trương Văn D1 khai thác chưa lấy ra khỏi hiện trường nên giao cho UBND huyện B xử lý theo quy định.

+ 01 cửa máy nhãn hiệu STIHL M5 230, màu cam của bị cáo Lưu Đình D sử dụng để khai thác gỗ trái pháp luật nên tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

[7]. *Hình phạt bổ sung*: Các bị cáo làm ruộng và làm thêm công việc khai thác gỗ thuê, qua xác minh tại địa phương các bị cáo không có tài sản riêng. Tại phiên tòa các bị cáo đều khẳng định có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền do đó cần áp dụng khoản 4 Điều 232/BLHS phạt tiền để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố**: Các bị cáo Lưu Đình D, Trương Văn D1 đều phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 232, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Đình D 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn D1 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

**Về hình phạt bổ sung:* áp dụng khoản 4 Điều 232/BLHS.

Phạt mỗi bị cáo 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

** Về vật chứng:*Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Giao cho UBND huyện B khối lượng gỗ 15,12m³ do Lưu Đình D và Trương Văn D1 khai thác chưa lấy ra khỏi hiện trường để xử lý theo quy định.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL M5 230, màu cam của bị cáo Lưu Đình D.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B và biên bản giao nhận giữa Công an huyện B với UBND huyện B.

** Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 2;
- NCQLNVLQ 3;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy

